

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 20/2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 24 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 205/TTr-SCT ngày 27 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị thực hiện), cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum là tập hợp các Đề án xúc tiến thương mại được xây dựng theo định hướng phát triển hàng hóa phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện.

2. Đề án xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là Đề án) là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động xúc tiến thương mại; có mục tiêu và đối tượng thụ hưởng cụ thể, có thời gian và kinh phí xác định.

Điều 3. Mục tiêu Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh

Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh là chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng xuất khẩu; thị trường trong nước; thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhằm:

- Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng lợi thế, chủ lực của tỉnh như các mặt hàng nông sản, dệt may, gỗ, đá, sản phẩm thủ công mỹ nghệ... và mở rộng xuất khẩu các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới;

từng bước chiếm lĩnh thị trường nội địa thông qua cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam của Bộ Chính trị.

- Góp phần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất; tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế thương mại một số sản phẩm chủ lực của tỉnh trên địa bàn tỉnh.

- Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại với xúc tiến đầu tư và xúc tiến du lịch.

Điều 4. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình: Sở Công Thương; Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Công Thương; các cơ quan; đơn vị trong tỉnh có hoạt động xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện và tiêu chí quy định tại Quy chế này.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
- c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;
- d) Có kế hoạch phát triển ngành hàng cụ thể của địa phương;
- đ) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, nắm rõ các quy định về xúc tiến thương mại;
- e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh, không nhằm mục đích lợi nhuận;
- g) Có đầy đủ hồ sơ đề xuất Đề án theo đúng quy định và được Sở Công Thương thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện Đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện chương trình là các doanh nghiệp, các Hợp tác xã, cơ sở sản xuất (gọi tắt là doanh nghiệp) được thành lập theo quy định của pháp luật; có ngành nghề, thị trường, mặt hàng, sản phẩm phù hợp với mục tiêu của Chương trình.

2. Quyền và trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

- a) Được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này;
- b) Chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các Đề án xúc tiến thương mại mà mình tham gia;
- c) Có văn bản đề nghị tham gia và Đề án gửi đến đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;

d) Thực hiện báo cáo kết quả tham gia Chương trình với đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;

đ) Thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí được hỗ trợ khi Chương trình kết thúc.

Điều 6. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước và thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn xây dựng Đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan;

c) Quy định tiêu chí đối với Đề án xúc tiến thương mại phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm;

đ) Đánh giá, thẩm định và phê duyệt các Đề án xúc tiến thương mại để tổng hợp đưa vào Chương trình hàng năm;

e) Tổ chức triển khai công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh;

g) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về thực hiện Chương trình.

2. Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Phòng liên quan, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương và đại diện các Sở, ban ngành có liên quan, do lãnh đạo Sở Công Thương làm Chủ tịch. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định các Đề án, Kế hoạch xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì xây dựng; tổng hợp, trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.

3. Trường hợp mời tổ chức, cá nhân ngoài nước đến tỉnh Kon Tum hoặc thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh tại nước ngoài, Sở Công Thương phải báo cáo xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm theo kế hoạch;

- Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia chương trình;

- Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Nguồn kinh phí từ Chương trình hỗ trợ các sản phẩm nằm trong Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia;
 - Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:
- Kinh phí Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương;
 - Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình;
 - Các đơn vị tham gia Chương trình được hỗ trợ kinh phí phải cam kết sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, đúng mục tiêu hỗ trợ và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ, quy định tài chính hiện hành.

Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh

1. Sở Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật.
2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Sở Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, Giám đốc Sở Công Thương chỉ đạo triển khai Chương trình theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các Đề án của Chương trình không vượt quá tổng dự toán được phê duyệt.
3. Căn cứ quyết định phê duyệt Đề án của Giám đốc Sở Công Thương và quyết định giao vốn cho các đơn vị chủ trì, đơn vị chủ trì ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký.
4. Kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách.
5. Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản xúc tiến thương mại của tỉnh theo quy định của pháp luật.
6. Không áp dụng mức hỗ trợ đối với các nội dung đã được các chương trình khác do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu và mức hỗ trợ

1. Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các mặt hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:
 - Chi phí mua tư liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa của nội dung này không quá 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng)/doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

2. Chi phí tuyên truyền xuất khẩu: Hỗ trợ 70%

- Quảng bá hình ảnh các mặt hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của tỉnh ra thị trường nước ngoài; chi phí theo hợp đồng phát hành trên phương tiện thông tin đại chúng tại nước ngoài để giới thiệu hình ảnh và chỉ dẫn.

- Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến tỉnh Kon Tum để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, Internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu của tỉnh theo hợp đồng trọn gói.

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài. Chi phí gồm:

a) Hỗ trợ 70% chi phí hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn; khi sản phẩm hoàn chỉnh;

b) Hỗ trợ 100% chi phí đơn vị chủ trì tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp (bao gồm chi phí thuê hội trường, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, thuê phương tiện đi lại).

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong nước và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại:

a) Hỗ trợ 50% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, các hội, hiệp hội tham gia tập huấn;

b) Hỗ trợ 100% chi phí đối với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, các tổ chức xúc tiến thương mại.

Chi phí bao gồm:

- Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: Định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

- Học phí trọn gói của khóa học.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại:

a) Tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài

- Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

+ Chi phí thuê gian hàng triển lãm chung, chi phí trang trí, chi phí vận chuyển;

+ Công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi theo đoàn tham gia chương trình, hỗ trợ tối đa không quá 02 người. Định mức áp dụng theo Thông

tu 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

- Đối với doanh nghiệp: Chi phí vận chuyển, chi phí thuê gian hàng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/lần/một doanh nghiệp.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm trong tỉnh định hướng xuất khẩu:

- Mức hỗ trợ 50% các khoản chi phí (sau khi trừ các khoản thu từ các hoạt động khai thác tại Hội chợ triển lãm) gồm chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, dịch vụ điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, khai mạc (gồm giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng), bế mạc, chi phí tổ chức hội thảo (chi phí thuê hội trường, thiết bị), chi phí trang trí chung của hội chợ triển lãm, chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ.

Mức hỗ trợ tối đa đối với cơ sở sản xuất trong tỉnh, các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m), không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/doanh nghiệp tham gia.

- Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm (chi phí theo hợp đồng phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm), sau khi trừ các khoản thu từ các đối tượng không được hưởng hỗ trợ khi tham gia hội chợ triển lãm tại Việt Nam như doanh nghiệp pháp nhân nước ngoài.

Mức hỗ trợ trong các trường hợp: Hội chợ triển lãm đa ngành thì quy mô tối thiểu 200 gian hàng tiêu chuẩn và trên 70 doanh nghiệp tham gia; đối với hội chợ triển lãm chuyên ngành thì quy mô tối thiểu 150 gian hàng và trên 50 doanh nghiệp tham gia.

c) Đối với tham gia hội chợ ngoài tỉnh:

- Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, trang trí, vận chuyển hàng hóa, công tác phí cho cán bộ tham gia chương trình, mức hỗ trợ tối đa không quá 02 người (đối với đơn vị chủ trì chương trình).

- Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã, các Hội nghề nghiệp, hiệp hội:

+ Mức hỗ trợ tối đa không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn/đơn vị.

6. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong và ngoài nước.

a) Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài:

- Hỗ trợ 100% chi phí gồm vé máy bay, vé xe, tiền lưu trú, chi phí tổ chức hội thảo và gặp gỡ giao dịch thương mại; chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời khách đến giao dịch với đoàn giao dịch thương mại của tỉnh; công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức, hỗ trợ 02 cán bộ (không kể lái xe) đối với đoàn có dưới 10 doanh nghiệp; hỗ trợ 03 người (không kể lái xe) đối với đoàn có từ 10 doanh nghiệp trở lên.

b) Tổ chức đoàn giao dịch thương mại của nước ngoài đến Kon Tum giao dịch: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài: Định mức chi áp dụng theo Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Kon Tum về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của UBND tỉnh về sửa đổi một số mức chi chế độ hội nghị được ban hành kèm theo Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức: Định mức chi áp dụng theo Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Các khoản chi tiêu nêu trên không vượt quá 0,5% so với giá trị được ký kết với đoàn doanh nghiệp đó.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 10. Nội dung chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước.

1. Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp với địa bàn của tỉnh (gồm chi phí thuê mặt bằng và thiết kế; dịch vụ phục vụ: Điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; chi phí quản lý; trang trí chung hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc; tổ chức hội thảo; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng/01 đơn vị sản xuất kinh doanh tham gia).

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh:

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí như chi phí vận chuyển, thuê mặt bằng (nếu có), dàn dựng quây hàng, tuyên truyền, trang trí, dịch vụ điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, công tác phí cho 01 cán bộ tham gia chương trình; mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Mức hỗ trợ trong trường hợp này phải có tối thiểu 03 doanh nghiệp tham gia Chương trình; mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/đợt bán hàng, mỗi đợt bán hàng diễn ra từ 01 - 03 ngày.

b) Đối với doanh nghiệp: Hỗ trợ 70% chi phí cho các doanh nghiệp tham gia bán hàng gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí tuyên truyền, hỗ trợ công tác phí cho nhân viên bán hàng, tối đa không quá 02 người trên 01 doanh nghiệp. Mức hỗ

trợ theo quy định tại Quyết định 46/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thông tư 97/2010/TT-BTC ngày 06/07/2010 của Bộ Tài chính.

3. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, mặt hàng thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí mua tài liệu;

- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: định mức chi áp dụng theo Thông tư 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung quy định tại khoản này không quá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng)/doanh nghiệp đăng ký và nhận tin.

4. Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác. Gồm chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Mức hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản này không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/chuyên đề tuyên truyền.

5. Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong tỉnh như tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, Chương trình giới thiệu sản phẩm mới.

6. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước. Định mức chi áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

Các khoản chi gồm: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: Định mức chi áp dụng theo Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính.

- Hoặc học phí trọn gói của khóa học.

7. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng quy trình và vận hành triển khai thương mại điện tử cho cộng đồng các doanh nghiệp của tỉnh.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Nội dung Chương trình xúc tiến thương mại miền núi, vùng sâu vùng xa, biên giới và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí phát triển hệ thống phân phối hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc (gồm chi phí tổ chức bán hàng: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; điện, nước, an ninh, vệ sinh; chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa).

2. Hỗ trợ 100% xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của tỉnh Kon Tum với các tỉnh thuộc nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia (gồm chi phí mua tài liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp; chi phí xuất bản và phát hành).

3. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới (gồm chi phí lập dự án đầu tư, thiết kế, thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới).

4. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu (gồm thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch).

5. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức và phát triển hoạt động phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới với các nước có chung biên giới.

6. Hỗ trợ 100% chi phí các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc (gồm chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; xuất bản và phát hành sổ tay, cẩm nang, chuyên đề liên quan đến thương mại biên giới miền núi; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã, thương nhân vùng biên giới, miền núi và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ).

7. Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc gồm chi phí viết bài và chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam và các tỉnh biên giới (của Việt Nam và của nước có chung biên giới với Việt Nam).

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung này không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/chuyên đề tuyên truyền.

8. Hỗ trợ 100% chi phí các hoạt động xúc tiến thương mại miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Xây dựng Đề án xúc tiến thương mại của tỉnh

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng Đề án xúc tiến thương mại tỉnh theo mẫu do Sở Công Thương quy định.

2. Các Đề án xúc tiến thương mại tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương, chiến lược xuất khẩu của tỉnh và mặt hàng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, mặt hàng của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;

d) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này;

đ) Đảm bảo tính khả thi về: Phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

e) Đối với các Đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 02 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cụ thể cho từng năm.

Điều 13. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt đề án

1. Đơn vị chủ trì gửi Đề án xúc tiến thương mại đến Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp.

2. Sau khi được Ủy ban nhân tỉnh giao kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm, Hội đồng thẩm định căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá nội dung kế hoạch, đề án của đơn vị chủ trì để tổ chức thẩm định các đề án, kế hoạch của đơn vị chủ trì, trình Giám đốc Sở Công Thương phê duyệt.

Điều 14. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện Đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện Đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Hội đồng thẩm định.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì, Hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung Đề án không còn phù hợp, Hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện Đề án.

4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành Đề án xúc tiến thương mại của tỉnh trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Hội đồng thẩm định để trình Giám đốc Sở Công Thương xem xét, quyết định.

5. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện Đề án, Sở Công Thương trình cấp có thẩm quyền thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung các Đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí hoặc các Đề án mới.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Công Thương

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.
4. Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.
5. Không tiếp nhận Đề án trong năm tiếp theo nếu đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm và các quy định tại Quy chế này.
6. Đình chỉ tham gia Chương trình trong 03 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 5 Điều 17 Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

- Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và các đề án do Sở Công Thương thẩm định; đồng thời hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình đã được phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các Đơn vị chủ trì trong việc tổ chức hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại đầu tư và du lịch trong nước và nước ngoài.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong Hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.
2. Đối với Đề án có nhiều đơn vị tham gia Chương trình, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của Đề án.
3. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong Đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.
4. Khi thực hiện xong Đề án, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo về tình hình thực hiện Đề án về Sở Công Thương trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc Đề án, đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị tham gia Đề án thực hiện các báo cáo có liên quan.

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện Đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

Đơn vị tham gia thực hiện Đề án phải cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến Đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Các tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Công Thương không xem xét các Đề án xúc tiến thương mại trong năm tiếp theo của các đơn vị chủ trì Chương trình không thực hiện công tác thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo Hợp đồng quy định tại Quy chế này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng